TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 16/8/2023
"*V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Minh Huyền

***Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Mai Văn Tài;

2. Ông Chau Khon Sốc.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Kim Liệu, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Thái Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 28/2023/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc " *Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST- HNGĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 02/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Néang T, sinh năm 1997 (có đơn vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Tà Dung, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

2. Bị đơn: Anh Chau K, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Tà Dung, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

Chỗ ở hiện nay: Tổ 5, ấp Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

3. Người làm chứng:

+ Ông Danh K1, sinh năm 1963 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 8, ấp Tà Dung, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

+ Ông Chau S, sinh năm 1964 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang;

4. Người phiên dịch: Ông Chau Pho Ly – Chức vụ: Giáo viên Trường trung cấp nghề Dân Tộc nội trú tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản không tiến hành hòa giải được tại Tòa án chị Néang T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2013 thì chị và anh K quen biết nhau do tự tìm hiểu đến năm 2014 thì hai bên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn số 35, quyển số I/2014 ngày 19/3/2014 thì tại Ủy ban nhân dân xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn thì sống bên nhà chồng, thời gian đầu cuộc sống bình thường đến khi chị sanh đứa con thứ hai được một năm thì vợ chồng lên Sài Gòn đi làm được khoảng vài tháng thì vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân do chồng thường xuyên nhậu, chửi vợ do ghen tuông đến tháng 6/2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay nên chị đi Đồng Nai đi làm còn chồng làm ở Sài Gòn nhưng chồng vẫn thường xuyên về quê thăm con. Nay tình cảm không còn chị yêu cầu được ly hôn anh K.

Về con chung: Có hai con chung tên Néang Chanh T1, sinh ngày 08/02/2015 và Chau P, sinh ngày 10/01/2017. Chị T đồng ý giao hai đứa con cho anh K nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự cho bị đơn anh Chau K. Tuy nhiên, anh K vẫn không tham gia tố tụng. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa chị T có đơn xin vắng mặt, anh K vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Hội đồng xét xử công bố biên bản lấy lời khai và kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân, nơi cư trú của anh K.

Phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, quan điểm giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết án Thẩm phán đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 35, Điều 68, Điều 97, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng quy định về xét xử phiên tòa sơ thẩm.

Về chấp hành pháp luật của đương sự thì nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ, chấp hành đúng quy định tại Điều 71. Tuy nhiên bị đơn

đã được tống đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần hai nên không thực hiện Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Néang T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Chau K có địa chỉ tại tổ 8, ấp Tà Dung, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn tỉnh An Giang nhưng có nơi tạm trú là tổ 5, ấp Sà Lôn, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên thuộc tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh K. Nhưng tại phiên tòa, anh K vắng mặt, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét chị T có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp với pháp luật còn anh K đây là lần vắng mặt thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Vào đầu năm 2013 chị T và anh K quen biết nhau do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn số 32, quyển số 35, quyển số I/2014 ngày 19/3/2014 thì tại Ủy ban nhân dân xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Theo lời khai của chị T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ khi sanh đứa con thứ hai thì khoảng một năm sau là vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn nguyên nhân do anh T thường xuyên nhậu, chửi vợ con do ghen tuông nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay, nay tình cảm không còn nên chị T yêu cầu được ly hôn.

Theo lời khai của ông Danh K1 (cha ruột của chị T) cho biết: Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống bên nhà vợ được một thời gian, sau đó hai vợ chồng đi Đồng Nai sinh sống và có mâu thuẫn nên ông có hàn gắn lại vợ chồng nguyên nhân do anh K hay ghen tuông, nhưng sau đó vợ chồng lại mâu thuẫn nữa cho đến nay còn mâu thuẫn gì thì ông không biết nên anh K đã về nhà cha ruột sinh sống. Hiện hai đứa con chung bên nhà chồng đang nuôi dưỡng nhưng không cho đến thăm vì không cho tới lui nữa.

Theo lời khai của ông Chau S (cha ruột của anh K) cho biết: Hai vợ chồng K sau khi cưới thì sống nhà vợ được một thời gian, sau đó vợ chồng đi Sài Gòn đi làm. Về mâu thuẫn của vợ chồng thì ông không biết nhưng chỉ biết sau khi chị T đẻ thì để hai đứa con chung lại bên nhà chồng và đi làm cho đến nay và cũng không đến thăm con chung, chỉ biết anh K đi làm có gửi tiền về nuôi con và vợ chồng không còn sống chung với nhau từ năm 2021 cho đến nay, hiện hai đứa con chung đang sinh sống tại nhà của ông đang nuôi và ông không có cản trở việc thăm nom con chung của chị T.

Qua kết quả xác minh tại địa phương ở ấp Sà Lôn và ấp Tà Dung đều cho biết: Vợ chồng chị T và anh K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 8, ấp Tà Dung, xã Lương Phi, huyện Tri Tôn. Hiện tại hai vợ chồng ông K đều đã đi làm ăn ở xa, thỉnh thoảng anh K có về nhưng về nhà bên cha ruột sống tại tổ 5, ấp Sà Lôn, xã Lương Phi và anh có gửi tiền về để nuôi hai đứa con chung đang sống tại ấp Sà Lôn. Về mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương không biết do không nghe trình báo địa phương, chỉ biết vợ chồng không còn sống chung tại nhà vợ nữa.

Xét thấy, lời khai của chị T, các biên bản lời khai và biên bản xác minh phù hợp với nhau về việc vợ chồng có ly thân là sự thật nên việc trình bày của chị T cho rằng mâu thuẫn là từ sau khi chị sanh đứa con thứ hai cho đến nay, nguyên nhân do anh K thường xuyên nhậu, chửi vợ do ghen tuông nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc là có căn cứ nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Nhận thấy, thời gian ly thân hơn một năm cũng đủ dài để vợ chồng cùng hàn gắn tình cảm nhưng cả hai vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng đến nay thì chị T và anh K vẫn còn ly thân đều đó chứng tỏ hai bên không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Cho nên, tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh K có hai con chung tên Néang Chanh T1, sinh ngày 08/02/2015 và Chau P, sinh ngày 10/01/2017. Chị T đồng ý giao hai đứa con cho anh K nuôi dưỡng và chị không cấp dưỡng nuôi con chung.

Nhận thấy, hiện tại hai cháu T1 và cháu P đều đang ở bên nhà chồng do ông Chau S nuôi dạy và anh K có đi làm nên có thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dạy, chăm sóc hai cháu được ổn định. Đồng thời tại bản tự khai cùng ngày 22/6/2023 thì cháu T1 có nguyện vọng được tiếp tục ở với cha. Từ đó để đảm bảo cho môi trường sống của hai cháu được ổn định thì giao hai cháu T1 và cháu P cho anh K tiếp tục nuôi dạy là phù hợp. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh K vắng mặt tại phiên tòa không ghi nhận được ý kiến, nên việc cấp dưỡng nuôi con sẽ được quyết định khi anh K có yêu cầu phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét chấp nhận.

Căn cứ Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân theo mức án phí không giá ngạch.

Anh K không phải chịu án phí hôn nhân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 56, Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ cầu khởi kiện của Chị Néang T.

Về hôn nhân: Chị Néang T được ly hôn với anh Chau K

Giấy chứng nhận kết hôn số 35, quyển số I/2014 ngày 19/3/2014 thì tại Ủy ban nhân dân xã Lương Phi, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Anh Chau K được tiếp tục nuôi dạy hai con chung tên Néang Chanh T1, sinh ngày 08/02/ 2015 và Chau P, sinh ngày 10/01/2017. Chị Néang T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh K vắng mặt không ghi nhận được ý kiến, nên việc cấp dưỡng nuôi con sẽ được quyết định khi anh K có yêu cầu.

Sau khi ly hôn cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật mà không ai được quyền cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, khi có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Néang T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm

ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0009852 ngày 27/01/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn.

Anh Chau K không phải chịu án phí hôn nhân.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh An Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS.ND huyện Tri Tôn;
- THA.DS huyện Tri Tôn;
- TAND Tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Minh Huyền